TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ	*Ngọc Hồi, ngày 28 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Ngân T - sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Q.

- Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 20 tháng 01 năm 2021, anh Trần Ngân T và chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

[1] Về hôn nhân: Anh, chị kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh K, thời gian chung sống anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm lo lắng gì cho vợ, con nên thường xuyên cãi nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2019 nếu còn chung sống với nhau sẽ không hạnh phúc, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị có một con chung là Trần Ngân Ngọc T – sinh ngày 16/9/2019 anh, chị thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp nuôi

dưỡng cháu T đến khi trưởng thành, tự lập được; Anh T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 20/01/2021.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Thu H nhận chịu toàn bộ.

[5] Xét thấy:

* Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án thụ lý giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra, việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung như đơn yêu cầu.

* Về Hôn nhân: Anh Trần Ngân T và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh K, thời gian chung sống anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm lo lắng gì cho vợ, con nên thường xuyên cãi nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, hơn nữa anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2019 đến nay, đây là lý do của mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị có một con chung là Trần Ngân Ngọc T – sinh ngày 16/9/2019 anh, chị thỏa thuận: Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành, tự lập được; Anh T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung, kể từ ngày 20/01/2021. Chị H là người trực tiếp nhận số tiền anh T cấp dưỡng.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải cấp dưỡng không trả đủ số tiền cấp dưỡng hàng tháng thì phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên không quá 20%/năm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của anh Trần Ngân T và chị Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngân T và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngân Ngọc T – sinh ngày 16/9/2019 cho đến khi trưởng thành, tự lập được; Anh Trần Ngân T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung, kể từ ngày 20/01/2021. Chị H là người trực tiếp nhận số tiền anh T cấp dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt trong trường hợp người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải cấp dưỡng không trả đủ số tiền cấp dưỡng hàng tháng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên không quá 20%/năm.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Áp dụng Điều 144; 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/BUBTVQH14 ngày 30 thàng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn. giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số: AA/2016/0002599 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- UBND TT P, huyện N
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen